

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC, ngày 28/ 9 /2018 của Bộ Tài chính  
Đơn vị: Văn phòng điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới Đắk Lắk  
Chương: 412

DỰ TOÀN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 10 /QĐ-VPĐP Ngày 07/01/2025 của Văn phòng nông thôn mới tỉnh)  
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Triệu đồng

| Số TT | Nội dung                                                              | Dự toán được giao |
|-------|-----------------------------------------------------------------------|-------------------|
| 1     | 2                                                                     | 3                 |
| A     | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí                           |                   |
| I     | Số thu phí, lệ phí                                                    |                   |
| 1     | Lệ phí                                                                |                   |
| 2     | Phí                                                                   |                   |
| II    | Chi từ nguồn thu phí được để lại                                      |                   |
| 1     | Chi sự nghiệp.....                                                    |                   |
| a     | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                                        |                   |
| b     | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                                  |                   |
| 2     | Chi quản lý hành chính                                                |                   |
| a     | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                                      |                   |
| b     | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ                                |                   |
| III   | Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước                                 |                   |
| 1     | Lệ phí                                                                |                   |
| 2     | Phí                                                                   |                   |
| B     | Dự toán chi ngân sách nhà nước                                        |                   |
| I     | Nguồn ngân sách trong nước                                            | 1.761             |
| 1     | Chi quản lý hành chính                                                | 1.761             |
| 1.1   | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                                      |                   |
| 1.2   | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ                                | 1.761             |
| 2     | Kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới |                   |
| 2.1   | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                                      |                   |
| 2.2   | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ                                |                   |
| II    | Nguồn vốn viện trợ                                                    |                   |
| 1     | Chi quản lý hành chính                                                |                   |
| 1.1   | Dự án A                                                               |                   |
| 1.2   | Dự án B                                                               |                   |
| 2     | Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ                                   |                   |
| 2.1   | Dự án A                                                               |                   |
| 2.2   | Dự án B                                                               |                   |
| 3     | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề                           |                   |
| 3.1   | Dự án A                                                               |                   |
| 3.2   | Dự án B                                                               |                   |
| 4     | Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình                                |                   |
| 4.1   | Dự án A                                                               |                   |
| 4.2   | Dự án B                                                               |                   |
| 5     | Chi bảo đảm xã hội                                                    |                   |
| 5.1   | Dự án A                                                               |                   |

| Sô TT | Nội dung                                         | Dự toán được giao |
|-------|--------------------------------------------------|-------------------|
| 2.2   | Dự án B                                          |                   |
| 6     | Chi hoạt động kinh tế                            |                   |
| 6.1   | Dự án A                                          |                   |
| 6.2   | Dự án B                                          |                   |
| 7     | Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường                  |                   |
| 7.1   | Dự án A                                          |                   |
| 7.2   | Dự án B                                          |                   |
| 8     | Chi sự nghiệp văn hóa thông tin                  |                   |
| 8.1   | Dự án A                                          |                   |
| 8.2   | Dự án B                                          |                   |
| 9     | Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn |                   |
| 9.1   | Dự án A                                          |                   |
| 9.2   | Dự án B                                          |                   |
| 10    | Chi sự nghiệp thể dục thể thao                   |                   |
| 10.1  | Dự án A                                          |                   |
| 10.2  | Dự án B                                          |                   |
| III   | Nguồn vay nợ nước ngoài                          |                   |
| 1     | Chi quản lý hành chính                           |                   |
| 1.1   | Dự án A                                          |                   |
| 1.2   | Dự án B                                          |                   |
| 2     | Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ              |                   |
| 2.1   | Dự án A                                          |                   |
| 2.2   | Dự án B                                          |                   |
| 3     | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề      |                   |
| 3.1   | Dự án A                                          |                   |
| 3.2   | Dự án B                                          |                   |
| 4     | Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình           |                   |
| 4.1   | Dự án A                                          |                   |
| 4.2   | Dự án B                                          |                   |
| 5     | Chi bảo đảm xã hội                               |                   |
| 5.1   | Dự án A                                          |                   |
| 2.2   | Dự án B                                          |                   |
| 6     | Chi hoạt động kinh tế                            |                   |
| 6.1   | Dự án A                                          |                   |
| 6.2   | Dự án B                                          |                   |
| 7     | Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường                  |                   |
| 7.1   | Dự án A                                          |                   |
| 7.2   | Dự án B                                          |                   |
| 8     | Chi sự nghiệp văn hóa thông tin                  |                   |
| 8.1   | Dự án A                                          |                   |
| 8.2   | Dự án B                                          |                   |
| 9     | Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn |                   |
| 9.1   | Dự án A                                          |                   |
| 9.2   | Dự án B                                          |                   |
| 10    | Chi sự nghiệp thể dục thể thao                   |                   |
| 10.1  | Dự án A                                          |                   |
| 10.2  | Dự án B                                          |                   |